| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÒA THÀNH**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 93/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 15/10/2018
*V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hảo Phát.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1- Ông **Trần Văn Thạch;**

2- Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh.**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị X,** sinh năm 1976 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 44/2, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

*2. Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1972 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số 44/2, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 15 ngày 01 năm 2018, quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn - chị Nguyễn Thị X trình bày:***

Chị X và anh T tự nguyện chung sống chung vợ chồng vào năm 1994, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh

mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan T chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gỗ lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm: 1996; Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1998. Hiện các con chung đã trưởng thành, chị X không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, chị Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xim ly hôn của chị X, cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh T là phù hợp. Về con chung: đã trưởng thành không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Tính án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn anh Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần không lý do; Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị X và anh T chung sống vợ chồng đã được Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên chị X trình bày anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan T vợ con, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân tháng 01 năm 2018 cho đến nay không hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân của anh chị. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: hiện con chung anh chị đã trưởng thành, chị X không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị X đối với Nguyễn Minh T. Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên: Nguyễn MinhT, sinh năm: 1996; Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1998. Hiện các con chung đã trưởng thành, nên không đặt giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0019313 ngày 15.01.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị X đã nộp xong án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hay được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự
- Lưu tập án (L).

**(Đã ký)**
**Nguyễn Hảo Phát**